

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2026

**CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ biên bản đánh giá thực tế tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 09/01/2026 của Sở Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh.

Thực hiện Công văn số 1707/SXD-KTVLXD ngày 15/01/2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai, phổ biến quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Viện Nghiên Cứu Khoa Học Và Thiết Kế Dầu Khí Biển công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

I. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: VIỆN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ THIẾT KẾ DẦU KHÍ BIỂN

Quyết định thành lập số: 31/TC, cấp ngày 13/09/1982. Cơ quan cấp: Xí nghiệp liên doanh Việt-Xô (VIETSOVPETRO)

Địa chỉ: Số 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0254.3839871-2274 Email: vanthu.rd@vietsov.com.vn

Mã số thuế: 3500102414-010.

2. Thông tin Phòng thí nghiệm: PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0254.3839871-2359 Email: hieutv.rd@vietsov.com.vn

II. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký đủ điều kiện hoạt động:

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên phụ trách
THỬ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG				
1.	Xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195:2012; ASTM D854-23	Cân kỹ thuật 6200g (0,01g); Cân kỹ thuật 6200g (0,01g); Bình tỷ trọng 1000ml; Tủ sấy; Sàng có lưới N°2 (2 mm); Tỷ trọng kế; Thiết bị ổn nhiệt; bình hút chân không; Cối chà sứ, phễu, cốc nhỏ có nắp	Tổng Văn Hiếu Nguyễn Anh Khoa Nguyễn Văn Ngọc
2.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012 ASTM D2216-19	Cân kỹ thuật 6200g (0,01g); Cân kỹ thuật 620g (0,01g); Tủ sấy; Sàng 1 mm; Bình hút ẩm có Canxi clorua; cối chà sứ, khay	
3.	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm	TCVN 4197:2012; ASTM D4318-17e1	Cân kỹ thuật 6200g (0,01g); Cân kỹ thuật 620g (0,01g); Tủ sấy; Sàng 1 mm; Tấm kính nhám, chày xuyên Vaxiliep, dụng cụ Casagrande; khuôn; tấm kính nhám; sàng 1.0mm; Hộp, cối chà sứ, dao...	
4.	Xác định thành phần hạt của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4198:2014; ASTM D6913/D6913M-17; ASTM D7928-21e1	Bộ sàng; Cân kỹ thuật 6200g (0,01g); Cân kỹ thuật 620g (0,01g); Tủ sấy; Nhiệt kế; Bình hút ẩm, cối chà sứ, bình phun tia...Dụng cụ để thí nghiệm xác định độ ẩm.	
5.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4199:1995; ASTM D3080/D3080M-23	Máy cắt phẳng; Hộp cắt mẫu; Vòng lực 1, đồng hồ so 0-10mm; Cân kỹ thuật 6200g (0,01g); Cân kỹ thuật 620g (0,01g); Dao vòng, thước, tấm kính...	
6.	Xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012; ASTM D2435/D2435M-11(2020)	Máy nén tam liên; Đồng hồ so 0-10mm, Cân kỹ thuật 6200g (0,01g); Cân kỹ thuật 620g (0,01g); Dao vòng, dao gạt đất, thước, tấm kính...	
7.	Xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; ASTM D7263-21	Dao vòng; Thước kẹp; Cân kỹ thuật 6200g (0,01g); Cân kỹ thuật 620g (0,01g); Tủ sấy; Dao, cốc thủy tinh, hộp nhôm, bình hút ẩm	
8.	Xác định sức kháng cắt không cố kết – không thoát nước và cố kết – thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục	TCVN 8868:2011 ASTM D2850-24, ASTM D4767-11(2020) ASTM D7181-20	Máy nén 3 trục và phụ kiện kèm theo; Dao gạt, giấy thấm, hộp...Thiết bị để xác định độ ẩm	

2. Danh mục máy móc, thiết bị

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Nguồn gốc thiết bị	Ngày Bàn giao	Ghi chú
1.	Máy nén 3 trục tự động Triscan 50 Pro /VJ TECH	2	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
2.	Máy nén 3 trục - CONTROLS TRITECH 50KN	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
3.	Máy cắt phẳng điện tử	2	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
4.	Máy nén cổ kết tự động	2	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
5.	Máy cắt cánh trong phòng thí nghiệm	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
6.	Thiết bị xác định giới hạn chảy Casagrand (quay điện)	2	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
7.	Thiết bị xác định giới hạn chảy Casagrand (quay tay)	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
8.	Bếp điện chuyên dùng	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
9.	Tủ sấy BINDER 115 L	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
10.	Tủ sấy BINDER 115 L	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
11.	Máy khuấy dung dịch tốc độ cao	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
12.	Máy chưng cất nước	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
13.	Cân phân tích điện tử METTLES TOLEDO Max: 420g - d: 1mg	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Nguồn gốc thiết bị	Ngày Bàn giao	Ghi chú
14.	Cân phân tích điện tử METTLES TOLEDO Max: 620g - d: 1mg	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
15.	Cân điện tử SHIMAZU 6200g/0.01g	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
16.	Cân điện tử SATORIUS, 3000g/0.01g	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
17.	Cân ELECTRONIC BALANCE, 3000g/0.01g	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
18.	Cân điện tử OHAUS 2100g/0.01g	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
19.	Bộ rây	8	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
20.	Thước cặp hiện số 0- 150mm	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
21.	Thước cặp hiện số 0- 300mm	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
22.	Bộ quả cân chuẩn từ 1g tới 1 kg - F1	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
23.	Bộ cân mẫu thép 32 miếng, cấp 1: 1.005- 60mm	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
24.	Bơm tạo áp: 3500kPa/1kPa	4	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
25.	Đầu đo áp:3500kPa/1kPa	2	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
26.	Đồng hồ đo áp suất 4000kPa; độ chính xác :0.25%	2	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
27.	Đầu đo lực điện tử VJ	3	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga	17/12/2025	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Nguồn gốc thiết bị	Ngày Bàn giao	Ghi chú
	Tech - 5kN		VIETSOVPETRO		
28.	Đầu đo lực điện tử VJ Tech - 10kN	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
29.	Đầu đo lực điện tử REP: 1tấn	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
30.	Đầu đo lực điện tử REP: 350kg	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
31.	Vòng lực CONTROLS 1 KN	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
32.	Vòng lực CONTROLS 2 KN	3	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
33.	Vòng lực CONTROLS 5 KN	4	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
34.	Vòng lực CONTROLS 10 KN		Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
35.	Chuyển vị điện tử VJ Tech 50mm/0.01mm	2	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
36.	Chuyển vị điện tử CONTROLS 50mm/0.01mm	2	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
37.	Chuyển vị điện tử 10mm/0.002mm	7	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
38.	Bộ tạo áp lực thủy lực 3500kPa	2	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
39.	Đồng hồ đo áp suất chất lỏng 3500/25kPa	2	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
40.	Đồng hồ đo chân không	2	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Nguồn gốc thiết bị	Ngày Bàn giao	Ghi chú
41.	Ổng đong 1000ml	22	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
42.	Bình tỷ trọng 250ml	13	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
43.	Bình tỷ trọng 100ml	30	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
44.	Tỷ trọng kế 151H	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
45.	Nhiệt kế thủy ngân	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
46.	Thiết bị đo nhiệt độ áp suất khí quyển (Nhiệt ẩm kế)	4	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
47.	Dụng cụ đẩy mẫu	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
48.	Bể ổn nhiệt	2	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
49.	Bình hút ẩm	2	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
50.	Bàn cân chống rung	2	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
51.	Chén sứ các loại	65	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
52.	Dụng cụ cắt rung cầm tay đa năng	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
53.	Máy khoan cầm tay	2	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
54.	Bàn thép mặt đá granite	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga	17/12/2025	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Nguồn gốc thiết bị	Ngày Bàn giao	Ghi chú
			VIETSOVPETRO		
55.	Hộp nhôm có nắp loại trung bình	54	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
56.	Hộp nhôm có nắp loại nhỏ	63	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
57.	Bộ thiết bị tạo chân không	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
58.	Bộ thiết bị tạo chân không	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
59.	Khay inox tròn đường kính 20mm	20	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
60.	Khay inox hình chữ nhật (40 x60mm)	50	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
61.	Kính nhám	2	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
62.	Chày, cối sứ	1	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	
63.	Bình giữ ẩm	4	Điều chuyển thiết bị từ Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO	17/12/2025	

3. Danh mục kiểm định-hiệu chuẩn

STT	Phương tiện đo lường	Số giấy kiểm định/ hiệu chuẩn	Ngày kiểm định/ hiệu chuẩn	Đơn vị kiểm địnhhiệu chuẩn	Ghi chú
1	Tỷ trọng kế	00026/HĐ.HLAT	14/01/2026	Công ty CP Kiểm định và Huấn luyện An toàn	Kiểm định
2	Đồng hồ áp suất 3500kPa	00024/HĐ.HLAT	14/01/2026	Công ty CP Kiểm định và Huấn luyện An toàn	Kiểm định
3	Đồng hồ áp suất 4000kPa	00024/HĐ.HLAT	14/01/2026	Công ty CP Kiểm định và Huấn luyện	Kiểm định

STT	Phương tiện đo lường	Số giấy kiểm định/ hiệu chuẩn	Ngày kiểm định/ hiệu chuẩn	Đơn vị kiểm địnhhiệu chuẩn	Ghi chú
				An toàn	
4	Đồng hồ áp suất 760mmHg	00024/HĐ.HLAT	14/01/2026	Công ty CP Kiểm định và Huấn luyện An toàn	Kiểm định
5	Cân kỹ thuật 620g (0.01g)	BUJ.25.0144	26/12/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	Kiểm định
6	Cân kỹ thuật 6200g (0.01g)	BUJ.25.0144	26/12/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	Kiểm định
7	Đồng hồ sơ (0-30)mm	BUJ.25.076	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
8	Đồng hồ sơ (0-30)mm	BUJ.25.077	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
9	Đồng hồ sơ (0-30)mm	BUJ.25.078	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
10	Đồng hồ sơ (0-30)mm	BUJ.25.079	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
11	Đồng hồ sơ (0-30)mm	BUJ.25.080	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
12	Đồng hồ sơ (0-30)mm	BUJ.25.081	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
13	Vòng lực (0-4.5)kN	BUJ.25.082	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
14	Vòng lực (0-1)kN	BUJ.25.083	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
15	Vòng lực (0-2)kN	BUJ.25.084	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
16	Vòng lực (0-2)kN	BUJ.25.085	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	

STT	Phương tiện đo lường	Số giấy kiểm định/ hiệu chuẩn	Ngày kiểm định/ hiệu chuẩn	Đơn vị kiểm địnhhiệu chuẩn	Ghi chú
17	Vòng lực (0-500)kgf	BUJ.25.086	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
18	Vòng lực (0-500)kgf	BUJ.25.087	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
19	Vòng lực (0-5)kN	BUJ.25.088	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
20	Vòng lực (0-5)kN	BUJ.25.089	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
21	Vòng lực (0-2)kN	BUJ.25.090	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
22	Đồng hồ áp suất (0-760)mmHg	BUJ.25.091	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
23	Đồng hồ áp suất (0-3500) kPa	BUJ.25.092	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
24	Đồng hồ áp suất (0-3500) kPa	BUJ.25.093	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
25	Sàng thử nghiệm 75µm	BUJ.25.094	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
26	Sàng thử nghiệm 160µm	BUJ.25.095	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
27	Sàng thử nghiệm 250µm	BUJ.25.096	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
28	Sàng thử nghiệm 425µm	BUJ.25.097	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
29	Sàng thử nghiệm 850µm	BUJ.25.098	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
30	Sàng thử nghiệm 2mm	BUJ.25.099	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	

STT	Phương tiện đo lường	Số giấy kiểm định/ hiệu chuẩn	Ngày kiểm định/ hiệu chuẩn	Đơn vị kiểm địnhhiệu chuẩn	Ghi chú
31	Sàng thử nghiệm 4.75mm	BUJ.25.100	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
32	Sàng thử nghiệm 19mm	BUJ.25.101	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
33	Đầu đo chuyển vị điện tử (0-10)mm	BUJ.25.041	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
34	Đầu đo chuyển vị điện tử (0-10)mm	BUJ.25.042	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
35	Đầu đo chuyển vị điện tử (0-10)mm	BUJ.25.043	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
36	Đầu đo chuyển vị điện tử (0-10)mm	BUJ.25.044	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
37	Đầu đo chuyển vị điện tử (0-10)mm	BUJ.25.045	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
38	Đầu đo chuyển vị điện tử (0-10)mm	BUJ.25.046	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
39	Đầu đo chuyển vị điện tử (0-10)mm	BUJ.25.047	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
40	Cảm biến áp suất	BUJ.25.048	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
41	Cảm biến áp suất	BUJ.25.049	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
42	Cảm biến áp suất	BUJ.25.050	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
43	Cảm biến áp suất	BUJ.25.051	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
44	Cảm biến áp suất	BUJ.25.052	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	

STT	Phương tiện đo lường	Số giấy kiểm định/ hiệu chuẩn	Ngày kiểm định/ hiệu chuẩn	Đơn vị kiểm địnhhiệu chuẩn	Ghi chú
45	Cảm biến áp suất	BUJ.25.053	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
46	Đồng hồ áp suất (0-4000)kPa	BUJ.25.054	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
47	Đồng hồ áp suất (0-4000)kPa	BUJ.25.055	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
48	Cảm biến lực	BUJ.25.056	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
49	Cảm biến lực	BUJ.25.057	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
50	Cảm biến lực	BUJ.25.058	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
51	Đầu đo chuyển vị điện tử (0-50)mm	BUJ.25.059	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
52	Đầu đo chuyển vị điện tử (0-50)mm	BUJ.25.060	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
53	Tủ sấy	BUJ.25.061	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	
54	Tủ sấy	BUJ.25.062	27/10/2025	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	

4. Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên

TT	Họ tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ/ Nhiệm vụ được giao	Ghi chú
1	Tổng Văn Hiếu	1976	- Kỹ sư địa chất - Chứng nhận bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - Chứng nhận quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - Thí nghiệm phương pháp xác định	Trưởng phòng thí nghiệm	

TT	Họ tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ/ Nhiệm vụ được giao	Ghi chú
			các tính chất cơ bản của đất		
2	Nguyễn Anh Khoa	1980	- Cử nhân địa chất - Chứng nhận quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - Chứng nhận kỹ thuật thử nghiệm đất xây dựng	Thí nghiệm viên	
3	Nguyễn Văn Ngọc	1979	- Kỹ sư địa chất công trình - ĐKT - Chứng nhận bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - Thí nghiệm phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của đất trong phòng và hiện trường	Thí nghiệm viên	

VIỆN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ THIẾT KẾ DẦU KHÍ BIÊN cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong bản công bố; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong danh mục đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan

ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
(Ký tên, đóng dấu)



VIỆN TRƯỞNG

Đào Nguyên Hương